

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH HÓA
TỈNH THÁI NGUYÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Định Hóa, ngày 20 tháng 4 năm 2022

Ngày: 20/4/2022.

“Về việc Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thiện Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Tuế;

2. Bà Lê Thị Kim Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm: 1982.

Nơi ĐKKHKT: Xóm SĐ, xã SP, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm ĐB, xã PĐ, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Xóm SĐ, xã SP, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Chị và anh H tổ chức lễ cưới vào ngày 29/11/1998 (âm lịch) nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của luật, lý do không đăng ký kết hôn là do đều đã được hai bên gia đình đồng ý và khi đó chị D chưa đủ tuổi để kết hôn đến khi đủ tuổi thì do mãi làm ăn kinh tế nên không đi đăng ký kết hôn, vì vậy đến nay vợ chồng sống chung với nhau cũng không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên trước khi tổ chức lễ cưới anh, chị được tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh H làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình nhà chồng một thời gian ngắn thì vợ chồng ra ở riêng trên đất của bố mẹ chồng cho. Trong quá trình chung sống vợ chồng có thời gian hòa thuận hạnh phúc thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhỏ, nguyên nhân là do trong ăn ở sinh hoạt và nuôi dạy con cái, bất đồng về quan điểm sống, anh H thường xuyên đi uống rượu, tụ tập bạn bè, không chịu làm ăn, mỗi khi đi uống rượu về là lại chửi mắng chị và xúc phạm chị, trong khi chị phải chăm nom con nhỏ thì anh H không chia sẻ, giúp đỡ chị trong công việc mà lại thường xuyên đi chơi về chị nói thì anh nổi nóng dẫn đến vợ chồng xô sát với nhau, chị và gia đình khuyên bảo, chị đã cho anh H nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh H không thay đổi, đến tháng 5/2005 mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, liên tục xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở được bốn năm, anh H nhiều lần đến xin lỗi và đón chị về, vì thương các con, không muốn các con thiếu tình cảm của bố, mẹ chị đã bỏ qua và quay lại chung sống. Tuy nhiên cũng chỉ chung sống hạnh phúc được bốn đến năm tháng thì anh H lại chứng nào tật ấy, không thay đổi bản thân lại thường xuyên đi uống rượu về lại chửi mắng vợ con và xô sát với chị nhiều lần, mâu thuẫn đã quá trầm trọng đến ngày 20/5/2021 chị một lần nữa về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh H không đến Tòa án để giải quyết vụ án là gây khó khăn cho chị còn thực tế cũng không còn tình cảm gì với chị. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin ly hôn anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Thị Thảo, sinh ngày 25/01/2000 và Trần Duy Khánh, sinh ngày 16/4/2012, hiện nay cháu Khánh đang học lớp 4 trường Tiểu học PĐ, chị nuôi dưỡng. Ly hôn chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Duy Khánh, sinh ngày 16/4/2012 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được và không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, còn con chung Trần Thị Thảo, sinh ngày 25/01/2000 đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh, lao động tự túc được và đã xây dựng gia đình riêng. Ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị D xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Về phía bị đơn anh Trần Văn H:*

Tại phiên tòa ngày hôm nay anh H vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh H khai: Về thời gian tổ chức lễ cưới, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân anh H xác định như chị D trình bày tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai tại Tòa án là đúng, anh không có gì phải bổ sung thêm. Anh H xác định vợ chồng tổ chức lễ cưới vào ngày 29/11/1998 (âm lịch) nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của luật, lý do không đăng ký kết hôn là do chị D chưa đủ tuổi để kết hôn đến khi đủ tuổi thì do mãi làm ăn kinh tế nên không đi đăng ký kết hôn đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên trước khi tổ chức lễ cưới anh, chị được tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị D về nhà anh làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình nhà chồng một thời gian ngắn sau đó ra ăn ở riêng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có thời gian hòa thuận hạnh phúc đến năm 2000 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn cãi vã nhỏ, nguyên nhân là do trong ăn ở sinh hoạt và nuôi dạy con cái, do kinh tế gia đình khó khăn nên anh đã đồng ý cho chị D đi làm ăn xa. Khi chị D đi làm ăn thì anh ở nhà vẫn chăm lo cho gia đình và con cái, anh bảo chị D gửi tiền về cho anh để anh nộp học cho các con nhưng chị D không gửi và cũng không quan tâm đến chồng, mỗi lần chị D về thăm chồng con thì vợ chồng cũng không hòa thuận mà chỉ xảy ra cãi vã và nhiều lần còn xảy ra xô sát. Tháng 5/2005 mâu thuẫn quá trầm trọng chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vì thương các con anh đã xin lỗi và đón chị D về nhưng cũng chỉ được khoảng bốn, năm tháng thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn đến tháng 6/2021 chị D lại bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị D cương quyết xin ly hôn anh nhất trí. Hiện nay anh H bận đi làm ăn nên không có thời gian đến Tòa án để tiếp tục giải quyết vụ án, vì vậy anh đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Thảo, sinh ngày 25/01/2000 và Trần Duy Khánh, sinh ngày 16/4/2012, hiện nay cháu Khánh đang học lớp 4 trường Tiểu học PĐ, chị D đang nuôi dưỡng. Ly hôn tùy Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh H xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: H xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc cấp giao tổng đạt văn bản tố tụng, việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết 35/NQ-QH10 ngày 09/6/2000, về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị D và anh Trần Văn H. Về con chung: Giao cháu Trần Duy Khánh, sinh ngày 16/4/2012 cho chị D trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H, còn con chung Trần Thị Thảo đã trưởng thành; Về tài sản chung chị D, anh H, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải nhưng chị D, anh H không có đăng ký kết hôn. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại xóm SĐ, xã SP, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh H đã có đầy đủ bản tự khai, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị D và anh Trần Văn H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ tháng 11/1998 cho đến nay, anh, chị thừa nhận không có đăng ký kết hôn. Xác minh tại Ủy ban nhân xã SP, Ủy ban nhân dân xã PD, nơi cư trú, nơi có thẩm quyền đăng ký kết hôn cho chị D, anh H vào thời điểm vợ chồng chung sống từ năm 1998 cho đến nay cũng không có đăng ký kết hôn. Chị D và anh H chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy không được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D nhận thấy rằng: Từ năm 2000 trong ăn ở sinh hoạt hàng ngày giữa chị D, anh H đã luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cách ăn ở, sinh hoạt. Chị D cho rằng anh H lại không chịu làm ăn mà thường xuyên cờ bạc, rượu chè nên vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và có xảy ra xô sát, anh H cho rằng khi chị D đi ăn xa nhưng không chăm lo cho gia đình, chồng con, không quan tâm đến chồng con, không gửi tiền về cho anh để lo cho con cái nên vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và nhiều lần xảy ra xô sát, năm 2005 anh chị đã sống ly thân đến đầu năm 2021 mới lại quay lại chung sống nhưng chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn gay gắt, tháng 5/2020 vợ chồng tiếp tục sống ly thân và không còn quan tâm, liên lạc gì đến nhau nữa, giữa hai vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung, ai cũng tìm công việc, cuộc sống riêng cho mình, ai cũng có lý do riêng về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, dẫn đến việc chị D xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã giành nhiều thời gian cho vợ chồng chia sẻ để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ, đúng thực tế. Tuy nhiên anh, chị chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đến nay cũng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, chị D không rút đơn xin ly hôn mà cương quyết xin được ly hôn anh H. Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2020; Điều 9; Điều 14; Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh H.

[4]. Về yêu cầu xin nuôi con chung của chị D xét thấy: Chị D và anh H có hai con chung là Trần Thị Thảo, sinh ngày 25/01/2000 và Trần Duy Khánh, sinh ngày 16/4/2012. Xét thấy chị D có nơi ở, có việc làm, có thu nhập ổn định, anh H không đến phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc giao cháu Khánh cho

chị D được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với nguyện vọng của chị D, đảm bảo quyền, lợi ích về mọi mặt của cháu Khánh. Vì vậy nguyện vọng xin được nuôi con của chị D là phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận. Cháu Trần Thị Thảo đã trưởng thành hoàn toàn khỏe mạnh, lao động tự túc được. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án đã giải thích đây là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nhưng chị D tự nguyện không yêu cầu anh H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Chị Trần Thị D và anh Trần Văn H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị Trần Thị D và anh Trần Văn H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8]. Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Trần Thị D và anh Trần Văn H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 51, khoản 2 Điều 53 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận chị Trần Thị D và anh Trần Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Duy Kh, sinh ngày 16/4/2012 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được, anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Cháu Trần Thị Th, sinh ngày

25/01/2000 đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường lao động tự túc được. Vì vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết về việc nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Văn H do chị D tự nguyện không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị D và anh Trần Văn H xác định không cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị Trần Thị D và anh Trần Văn H xác định không có. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Trần Thị D và anh Trần Văn H xác định không có. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004449 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- UBND xã SP;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thiện Hoàng